

Thời gian : 07h00 - 31/01/2010

HỌC KỲ : 1

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10				15	20			55			
1	132320695	Trần Thị Nga	T13KDN8	9				8	7			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
2	132320751	Bùi Thị Phương	T14KDN1	8				8	9			8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
3	132320585	Phạm Thị Thu Hằng	T15KDN1	0				0	0			V	V	Vắng	
4	132320685	Trần Thị Mận	T15KDN1	8				7	8			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
5	132320688	Phan Trần Trà My	T15KDN1	6				7	8			5.0	6.0	Sáu	
6	132320909	Nguyễn Thị Nhã Vy	T15KDN1	0				0	0			V	V	Vắng	
7	142320604	Phạm Thị Thơ	T15KDN1	0				0	0			V	V	Vắng	
8	152320791	Nguyễn Thị Thu Phương	T15KDN1	9				7	8			4.0	5.8	Năm phẩy Tám	
9	152320792	Trần Thị Hằng	T15KDN1	7				8	8			4.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
10	152320793	Trần Thị Bích Yến	T15KDN1	8				8	8			4.5	6.1	Sáu phẩy Một	
11	152320795	Nguyễn Thị Thúy Nguyệt	T15KDN1	9				8	7			8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
12	152320802	Lê Thị Nhung	T15KDN1	8				8	7			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
13	152320805	Trương Thị Ngọc Sương	T15KDN1	9				8	8			8.0	8.1	Tám phẩy Một	
14	152320810	Trần Thị Hồng	T15KDN1	9				7	9			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
15	152320813	Nguyễn Thị Cẩm Thủy	T15KDN1	9				7	9			V	V	Vắng	
16	152320820	Lưu Thị Ánh	T15KDN1	8				8	8			8.0	8.0	Tám	
17	152320824	Nguyễn Lê Dạ Cẩm	T15KDN1	8				9	8			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
18	152320828	Phan Thị Nhật Minh	T15KDN1	9				7	7			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
19	152320829	Nguyễn Thị Thu	T15KDN1	8				7	9			1.0	4.2	Bốn phẩy Hai	
20	152320830	Nguyễn Thị Thục Uyên	T15KDN1	8				8	8			4.0	5.8	Năm phẩy Tám	
21	152320835	Trần Thị Bích Loan	T15KDN1	8				8	7			7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
22	152320836	Phan Thị Kiều	T15KDN1	8				7	9			7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
23	152320838	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	T15KDN1	8				8	8			7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
24	152320839	Nguyễn Thị Vân Anh	T15KDN1	10				9	8			7.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
25	152320844	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	T15KDN1	6				7	7			6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
26	152320848	Trần Thị Thảo	T15KDN1	9				7	9			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
27	152320853	Phạm Thị Thanh Hiền	T15KDN1	10				8	9			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
28	152320855	Nguyễn Thị Phước Tuy	T15KDN1	9				7	8			8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
29	152320860	Đỗ Thị Thu Thủy	T15KDN1	10				8	9			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
30	152320862	Trần Thị Lan	T15KDN1	6				7	7			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
31	152320865	Ngô Thị Diễm	T15KDN1	9				7	8			7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
32	152320870	Trần Quốc Thành	T15KDN1	7				8	8			6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
33	152320873	Đặng Thị Thanh Hà	T15KDN1	8				9	8			8.0	8.2	Tám phẩy Hai	

Thời gian : 07h00 - 31/01/2010

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10				15	20			55			
34	152320876	Bùi Thị Bích Liên	T15KDN1	9				8	9			6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
35	152320886	Nguyễn Thị Thanh Trà	T15KDN1	6				7	7			7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
36	152320893	Võ Thị Kim Đồng	T15KDN1	9				7	9			8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
37	152320895	Đỗ Thị Mỹ Hoa	T15KDN1	10				8	9			5.5	7.0	Bảy	
38	152320899	Nguyễn Thị Huyền	T15KDN1	9				7	9			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
39	152320901	Nguyễn Thị Trâm	T15KDN1	9				8	8			1.0	4.3	Bốn phẩy Ba	
40	152320903	Nguyễn Thị Nữ	T15KDN1	7				8	9			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
41	152320904	Nguyễn Thị Thanh	T15KDN1	8				8	8			8.0	8.0	Tám	
42	152320907	Lê Thị My Pha	T15KDN1	10				8	7			1.0	4.2	Bốn phẩy Hai	
43	152320910	Trần Thị Bích Chi	T15KDN1	8				8	8			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
44	152320912	Phạm Thị Tố Hoài	T15KDN1	9				8	9			7.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
45	152320914	Nguyễn Minh Sang	T15KDN1	9				8	8			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
46	152320915	Ngô Thị Thu Hà	T15KDN1	0				0	0			V	V	Vắng	
47	152320917	Mai Văn Nguyễn	T15KDN1	9				8	7			6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
48	152320927	Nguyễn Thị Mỹ Tín	T15KDN1	9				8	9			8.0	8.3	Tám phẩy Ba	
49	152320931	Nguyễn Thị Mỹ Xuân	T15KDN1	9				8	8			6.0	7.0	Bảy	
50	152320934	Trần Thị Thúy	T15KDN1	10				7	9			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
51	152320935	Đặng Thị Hạnh	T15KDN1	10				8	9			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
52	152320939	Phan Thị Thanh Nga	T15KDN1	9				8	7			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
53	152320943	Lê Thị Tâm	T15KDN1	9				8	8			4.0	5.9	Năm phẩy Chín	
54	152320944	Lương Thị Hải Triều	T15KDN1	7				7	8			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
55	152320945	Nguyễn Thị Thanh Thảo	T15KDN1	8				8	8			8.0	8.0	Tám	
56	152320946	Dương Thị Ngọc Nhi	T15KDN1	9				8	8			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
57	152320948	Trần Thị Xuân Nở	T15KDN1	8				7	8			4.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
58	152320960	Nguyễn Ái Quan	T15KDN1	6				7	7			5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
59	152320962	Lê Thị Mai Hương	T15KDN1	8				7	9			6.0	7.0	Bảy	
60	152320966	Ngô Thị Thúy Hiền	T15KDN1	8				8	8			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
61	152320971	Trần Thị Vi	T15KDN1	9				8	8			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
62	152320979	Đặng Văn Cường	T15KDN1	9				8	8			6.0	7.0	Bảy	
63	152320982	Bùi Thúy Hằng	T15KDN1	0				0	0			V	V	Vắng	
64	132310405	Trương Thị Ngọc Châu	T15KDN2	0				0	0			V	V	Vắng	
65	132310433	Đặng Thị Mỹ Lệ	T15KDN2	0				0	0			V	V	Vắng	
66	132320569	Nguyễn Thị Thu Hà	T15KDN2	0				0	0			V	V	Vắng	

Thời gian : 07h00 - 31/01/2010

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10				15	20			55			
67	142310421	Nguyễn Thị Tú	Sinh	T15KDN2	9				8	8			5.0	6.5	Sáu phẩy Năm
68	142320539	Phan Công	Minh	T15KDN2	0				0	0			V	V	Vắng
69	142321559	Nguyễn Đình	Thi	T15KDN2	9				8	9			7.5	8.0	Tám
70	152320794	Đặng Thị	Hiền	T15KDN2	7				8	9			2.0	4.8	Bốn phẩy Tám
71	152320798	Đặng Thị Mỹ	Lê	T15KDN2	10				8	9			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn
72	152320799	Hà Lê Ngọc	Quyên	T15KDN2	9				7	9			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín
73	152320806	Nguyễn Thị	Na	T15KDN2	9				8	8			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám
74	152320808	Bùi Văn	Định	T15KDN2	10				8	8			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy
75	152320811	Nguyễn Châu	Phi	T15KDN2	10				8	8			6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn
76	152320817	Trần Thị Kim	Huyền	T15KDN2	10				7	9			9.0	8.8	Tám phẩy Tám
77	152320825	Vũ Diệu	Linh	T15KDN2	9				8	7			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm
78	152320827	Nguyễn Thị Thanh	Trà	T15KDN2	0				0	0			V	V	Vắng
79	152320834	Nguyễn Hoàng Thục	Yên	T15KDN2	10				8	9			9.5	9.2	Chín phẩy Hai
80	152320837	Trang Ngọc	Nhi	T15KDN2	6				7	7			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu
81	152320840	Lê Thị Ngọc	Ánh	T15KDN2	8				8	8			4.0	5.8	Năm phẩy Tám
82	152320842	Phạm Thị Bích	Trâm	T15KDN2	9				8	7			8.0	7.9	Bảy phẩy Chín
83	152320845	Trần Lê Nhật	Thảo	T15KDN2	10				8	8			8.0	8.2	Tám phẩy Hai
84	152320854	Trương Thị	Thân	T15KDN2	10				8	9			6.0	7.3	Bảy phẩy Ba
85	152320856	Nguyễn Minh	Thành	T15KDN2	9				7	8			8.0	8.0	Tám
86	152320863	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	T15KDN2	10				8	8			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy
87	152320864	Phan Thị Thảo	Nguyên	T15KDN2	8				7	8			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám
88	152320867	Nguyễn Thị Kim	Thoại	T15KDN2	6				7	8			6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu
89	152320874	Võ Thị	Yến	T15KDN2	10				8	9			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn
90	152320875	Lê Thị	Hiền	T15KDN2	8				8	7			6.5	7.0	Bảy
91	152320877	Nguyễn Thị	Hằng	T15KDN2	9				8	7			7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn
92	152320884	Lê Thị Hằng	Ly	T15KDN2	10				9	8			9.0	8.9	Tám phẩy Chín
93	152320885	Ngô Gia	Hoàng	T15KDN2	8				8	8			7.0	7.5	Bảy phẩy Năm
94	152320890	Nguyễn Thị Tuyết	Thu	T15KDN2	6				7	7			8.0	7.5	Bảy phẩy Năm
95	152320897	Vũ Thị Hiền	Phương	T15KDN2	9				7	8			9.5	8.8	Tám phẩy Tám
96	152320898	Nguyễn Thị	Hằng	T15KDN2	9				8	7			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm
97	152320900	Vũ Thị Ngọc	Minh	T15KDN2	9				8	8			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn
98	152320908	Lâm Thị Mỹ	Lai	T15KDN2	10				8	8			8.5	8.5	Tám phẩy Năm
99	152320911	Nguyễn Thị Thu	Sáu	T15KDN2	6				7	9			8.0	7.9	Bảy phẩy Chín

Thời gian : 07h00 - 31/01/2010

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10				15	20			55			
100	152320913	Trần Tuấn Thành	T15KDN2	6				8	9			7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
101	152320919	Đoàn Thị Kim Thành	T15KDN2	9				7	9			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
102	152320921	Phan Thị Phương Thảo	T15KDN2	7				7	9			7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
103	152320924	Phạm Thị Hiền	T15KDN2	7				7	7			8.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
104	152320925	Lê Thị Vững	T15KDN2	8				7	9			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
105	152320926	Phạm Thị Thanh Lê	T15KDN2	9				8	8			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
106	152320932	Lương Thị Hồng Tuyết	T15KDN2	9				8	7			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
107	152320936	Nguyễn Thái Hường	T15KDN2	7				7	8			V	V	Vắng	
108	152320937	Nguyễn Thị Ngọc Tuyên	T15KDN2	9				8	7			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
109	152320940	Phạm Thị Thu Hà	T15KDN2	9				8	7			4.5	6.0	Sáu	
110	152320941	Nguyễn Thị Thu Trang	T15KDN2	9				7	7			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
111	152320942	Trần Thu Hồng	T15KDN2	7				7	8			9.0	8.3	Tám phẩy Ba	
112	152320950	Huỳnh Ngọc Hòa	T15KDN2	9				7	8			7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
113	152320953	Trần Thị Đào	T15KDN2	7				7	8			9.0	8.3	Tám phẩy Ba	
114	152320957	Vũ Thị Thúy	T15KDN2	0				0	0			V	V	Vắng	
115	152320959	Vũ Tiến Trung	T15KDN2	9				8	8			8.0	8.1	Tám phẩy Một	
116	152320961	Nguyễn Thị Hồng Duyên	T15KDN2	8				7	8			8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
117	152320964	Lê Nữ Tường Vy	T15KDN2	0				0	0			V	V	Vắng	
118	152320965	Đoàn Quách Mỹ Hạnh	T15KDN2	9				7	7			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
119	152320968	Trần Nguyệt Phương	T15KDN2	0				0	0			V	V	Vắng	
120	152320970	Nguyễn Anh Khoa	T15KDN2	0				0	0			V	V	Vắng	
121	152320973	Trần Thị Mỹ Hạnh	T15KDN2	8				8	7			8.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
122	152320974	Đinh Thị Thanh Uyên	T15KDN2	8				7	8			6.5	7.0	Bảy	
123	152320976	Võ Đăng Tú Uyên	T15KDN2	7				8	7			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
124	152320977	Nguyễn Quế Châu	T15KDN2	9				8	8			8.0	8.1	Tám phẩy Một	
125	132320600	Huỳnh Thị Thu Hiền	T15KDN3	0				0	0			V	V	Vắng	
126	152320790	Võ Thị Lên	T15KDN3	9				7	8			2.0	4.7	Bốn phẩy Bảy	
127	152320796	Nguyễn Thị Phước	T15KDN3	10				8	7			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
128	152320797	Võ Thị Đông	T15KDN3	9				8	8			8.0	8.1	Tám phẩy Một	
129	152320801	Trần Thị Minh Yến	T15KDN3	9				7	9			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
130	152320803	Trần Thị Khánh Ly	T15KDN3	8				8	7			7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
131	152320804	Trần Thị Thùy Loan	T15KDN3	10				8	8			8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
132	152320812	Phan Thị Thanh Thủy	T15KDN3	9				8	7			7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	

Thời gian : 07h00 - 31/01/2010

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP									ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ
				10				15	20			55		
133	152320819	Đặng Thị Diệu Nga	T15KDN3	8				8	7			7.0	7.3	Bảy phẩy Ba
134	152320821	Nguyễn Thị Diễm	T15KDN3	9				7	8			5.0	6.3	Sáu phẩy Ba
135	152320823	Đặng Thị Kiều Trâm	T15KDN3	10				8	8			8.0	8.2	Tám phẩy Hai
136	152320826	Ngô Thị Hậu	T15KDN3	10				8	8			6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn
137	152320831	Nguyễn Thị Thảo Giang	T15KDN3	9				8	8			6.0	7.0	Bảy
138	152320841	Phạm Thị Thu Trang	T15KDN3	8				7	8			6.5	7.0	Bảy
139	152320843	Phạm Thị Hàng	T15KDN3	8				8	7			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn
140	152320847	Nguyễn Thị Phương Lan	T15KDN3	9				8	8			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu
141	152320849	Nguyễn Thị Thu Thủy	T15KDN3	8				8	8			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai
142	152320850	Đào Thị Phương Thảo	T15KDN3	10				8	8			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín
143	152320857	Nguyễn Thị Ly Na	T15KDN3	9				8	7			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám
144	152320859	Dương Thị Phương	T15KDN3	8				7	7			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám
145	152320861	Nguyễn Thị Hòa	T15KDN3	9				8	7			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm
146	152320868	Trần Văn Thọ	T15KDN3	9				8	7			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu
147	152320869	Trần Thị Tình	T15KDN3	9				8	7			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám
148	152320871	Phan Thị Đông Trâm	T15KDN3	8				7	8			7.0	7.3	Bảy phẩy Ba
149	152320872	Vũ Hải Vân	T15KDN3	9				8	9			7.5	8.0	Tám
150	152320878	Lương Anh Thư	T15KDN3	7				7	7			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu
151	152320879	Nguyễn Thị Vũ Hiền	T15KDN3	6				7	7			V	V	Vắng
152	152320880	Cù Thị Hồng Nhung	T15KDN3	10				8	7			8.5	8.3	Tám phẩy Ba
153	152320881	Bùi Thị Kim Tuyến	T15KDN3	9				7	9			2.0	4.9	Bốn phẩy Chín
154	152320882	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	T15KDN3	9				8	7			8.5	8.2	Tám phẩy Hai
155	152320883	Tạ Thị Lệ Nga	T15KDN3	9				8	7			8.5	8.2	Tám phẩy Hai
156	152320887	Hà Sang	T15KDN3	7				8	7			V	V	Vắng
157	152320891	Nguyễn Thị Cẩm Châu	T15KDN3	10				8	8			8.0	8.2	Tám phẩy Hai
158	152320892	Lê Thị Diễm	T15KDN3	9				8	8			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn
159	152320894	Hồ Diệu My	T15KDN3	9				8	7			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám
160	152320896	Nguyễn Thị Hạnh	T15KDN3	9				8	7			8.0	7.9	Bảy phẩy Chín
161	152320902	Trương Thị Ngọc Thúy	T15KDN3	9				8	8			8.0	8.1	Tám phẩy Một
162	152320905	Đoàn Thị Lan Hương	T15KDN3	9				8	8			9.0	8.7	Tám phẩy Bảy
163	152320909	Trần Thị Kim Oanh	T15KDN3	9				8	7			8.0	7.9	Bảy phẩy Chín
164	152320916	Trần Thị Lệ Thủy	T15KDN3	9				8	8			8.0	8.1	Tám phẩy Một
165	152320918	Lê Thị Thùy	T15KDN3	7				7	8			8.0	7.8	Bảy phẩy Tám

Thời gian : 07h00 - 31/01/2010

HỌC KỲ : 1

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10				15	20			55			
166	152320920	Trần Thị Thu Thảo	T15KDN3	9				8	8				6.0	7.0	Bày
167	152320922	Lê Thị Hồng	T15KDN3	9				8	8				7.0	7.6	Bày phẩy Sáu
168	152320923	Võ Thị Hồng Hạnh	T15KDN3	9				8	7				6.0	6.8	Sáu phẩy Tám
169	152320928	Trần Thị Chiên	T15KDN3	10				8	9				8.0	8.4	Tám phẩy Bốn
170	152320930	Vũ Thị Trung Thông	T15KDN3	9				8	8				7.0	7.6	Bày phẩy Sáu
171	152320933	Phạm Văn Công	T15KDN3	8				8	8				5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu
172	152320938	Nguyễn Thị Thanh Tịnh	T15KDN3	10				8	8				7.0	7.7	Bày phẩy Bày
173	152320947	Hà Xuân Trường	T15KDN3	10				7	9				7.5	8.0	Tám
174	152320949	Nguyễn Thị Phước	T15KDN3	10				8	7				6.0	6.9	Sáu phẩy Chín
175	152320951	Lê Thị Diễm Kiều	T15KDN3	9				8	8				7.5	7.8	Bày phẩy Tám
176	152320952	Nguyễn Văn Thiệu	T15KDN3	8				8	7				6.0	6.7	Sáu phẩy Bày
177	152320954	Nguyễn Thị Ngọc Châu	T15KDN3	10				9	8				9.0	8.9	Tám phẩy Chín
178	152320955	Đào Thị Kim Hoa	T15KDN3	7				8	7				8.0	7.7	Bày phẩy Bày
179	152320956	Trần Thị Nhật Thảo	T15KDN3	8				8	8				7.0	7.5	Bày phẩy Năm
180	152320958	Hồ Thị Tuyết Hạnh	T15KDN3	9				7	7			V	V	Vắng	
181	152320963	Lương Thị Thanh	T15KDN3	9				8	8				7.5	7.8	Bày phẩy Tám
182	152320969	Trương Thị Như Lý	T15KDN3	9				8	7				8.5	8.2	Tám phẩy Hai
183	152320975	Trần Thị Thảo	T15KDN3	8				7	7				8.0	7.7	Bày phẩy Bày
184	152320981	Nguyễn Thị Bích Ngọc	T15KDN3	8				8	7				8.0	7.8	Bày phẩy Tám
185	152320983	Phan Thị Ngọc Tuyền	T15KDN3	8				7	9				7.0	7.5	Bày phẩy Năm